



SSSD  **2022**
Social Sciences for
Sustainable Development

TUYỂN TẬP BÁO CÁO HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
KHOA HỌC XÃ HỘI
VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP, PHÁT TRIỂN

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI
HÀ NỘI - 2022

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

80B - Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 024.39426744 * Fax: 024.38224784

Website: www.nxbgtvt.vn * Email: nxbgtvt@fpt.vn

CHIỤ TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN - NỘI DUNG:

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP:

Nguyễn Minh Nhật

BIÊN TẬP:

Dương Hồng Hạnh

TRÌNH BÀY:

Vương Thị Mai

Đối tác liên kết: Trường Đại học Mở - Địa chất

In 100 cuốn khổ A4, in tại Công ty In Giao thông.

Địa chỉ: 80B Trần Hưng Đạo - quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 3637-2022/CXBIPH/3-56/GTVT.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-76-2616-8

Quyết định xuất bản số: 56 NB/QĐ-XBGT ngày 28 tháng 10 năm 2022

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
KHOA HỌC XÃ HỘI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:
VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP, PHÁT TRIỂN

BAN TỔ CHỨC

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	GS.TS Trần Thanh Hải	Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Địa chất	Trưởng ban
2	TS. Trần Thị Phúc An	Trưởng khoa LLCT, Trường Đại học Mở - Địa chất	Phó Trưởng ban
3	PGS.TS Đỗ Ngọc Anh	Trưởng phòng KHCN, Trường Đại học Mở - Địa chất	Ủy viên
4	PGS.TS. Đinh Thanh Xuân	Trưởng khoa LLCT, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Ủy viên
5	TS. Tô Mạnh Cường	Trưởng khoa LLCT, Trường Đại học Thủy Lợi	Ủy viên
6	TS. Vũ Tiến Dũng	Trưởng khoa LLCT, Trường Đại học Xây dựng	Ủy viên
7	TS. Lã Quý Đô	Trưởng khoa LLCT, Trường Đại học Giao thông vận tải	Ủy viên
8	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Trưởng khoa LLCT, Trường Đại học Mở - Địa chất	Ủy viên

BAN KHOA HỌC

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	TS. Trần Thị Phúc An	Trường Đại học Mở - Địa chất	Trưởng ban
2	PGS. TS. Vũ Quang Hiến	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	Ủy viên
3	PGS.TS. Đinh Thanh Xuân	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Ủy viên
4	PGS.TS. Nguyễn Bình Yên	Trường Đại học Mở - Địa chất	Ủy viên
5	TS. Tô Mạnh Cường	Trường Đại học Thủy Lợi	Ủy viên
6	TS. Vũ Tiến Dũng	Trường Đại học Xây dựng	Ủy viên
7	TS. Lã Quý Đô	Trường Đại học Giao thông vận tải	Ủy viên
8	TS. Nguyễn Thi Phương	Trường Đại học Mở - Địa chất	Ủy viên
9	TS. Phí Mạnh Phong	Trường Đại học Mở - Địa chất	Ủy viên

BAN BIÊN TẬP, THƯ KÝ

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Trường Đại học Mở - Địa chất	Trưởng ban
2	TS. Ngô Văn Hường	Trường Đại học Mở - Địa chất	Ủy viên
3	TS. Trần Thị Lan Hương	Trường Đại học Mở - Địa chất	Ủy viên
4	TS. Đặng Thị Thanh Trâm	Trường Đại học Mở - Địa chất	Ủy viên
5	TS. Đỗ Thị Vân Hà	Trường Đại học Mở - Địa chất	Ủy viên
6	ThS. Nguyễn Thị Thúy Hà	Trường Đại học Mở - Địa chất	Ủy viên

LỜI NÓI ĐẦU

Trong các tiêu chí và mô hình của phát triển bền vững, việc xây dựng và cung cấp những luận cứ khoa học về các vấn đề xã hội và con người là yêu cầu bắt buộc. Đây chính là những nội dung nghiên cứu của Khoa học xã hội và như vậy, Khoa học xã hội có một vai trò rất yếu trong các mô hình của phát triển bền vững. Gần đây, các nghiên cứu về Khoa học Xã hội ngày càng gắn kết với các ngành khoa học khác để tạo ra cơ sở khoa học vững chắc và đồng bộ cho việc xây dựng các kế hoạch và giải pháp kinh tế, xã hội với mục tiêu phát triển bền vững. Năm bắt xu thế đó, từ năm 2020, Trường Đại học Mở - Địa chất đã đưa hoạt động nghiên cứu về vai trò của Khoa học Xã hội với phát triển bền vững thành những nhiệm vụ thường xuyên mà kết tinh là các hội nghị khoa học về chủ đề này đã được Nhà trường đăng cai tổ chức. Tiếp nối thành công của Hội thảo khoa học “Khoa học xã hội với phát triển bền vững” lần thứ nhất được tổ chức năm 2020 tại trường Đại học Mở - Địa chất, năm 2022, Trường Đại học Mở - Địa chất đã phối hợp với trường Đại học Bách khoa Hà Nội, trường Đại học Giao thông Vận tải, trường Đại học Xây dựng Hà Nội và trường Đại học Thủy lợi tổ chức Hội thảo khoa học quốc gia **“Khoa học xã hội với phát triển bền vững 2022”** với chủ đề là: **“Việt Nam trong tiến trình đổi mới, hội nhập, phát triển”**. Mục đích của Hội thảo lần này là tạo ra một môi trường bổ ích kết nối các nhà khoa học, các chuyên gia, giảng viên và sinh viên trong và ngoài nước có liên quan nhằm tăng cường trao đổi tri thức về lý luận và thực tiễn, kết quả nghiên cứu, xu thế và thách thức mới đối với nghiên cứu và đào tạo khoa học xã hội, kết nối, đề xuất và hợp tác xây dựng các định hướng, chủ đề nghiên cứu khoa học mới phù hợp với hiện trạng và xu thế phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế.

Trong quá trình chuẩn bị hội thảo, Ban Tổ chức đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của các nhà khoa học và giảng viên trên toàn quốc. Hơn 100 báo cáo toàn văn đã được gửi đến Ban Tổ chức, trong đó 86 báo cáo đã được lựa chọn sau quá trình phản biện nghiêm túc và có trách nhiệm của Hội đồng biên tập để đăng tải trong Tuyển tập Báo cáo Hội thảo.

Tuyển tập Báo cáo của Hội thảo **“Khoa học xã hội với phát triển bền vững 2022: Việt Nam trong tiến trình đổi mới, hội nhập, phát triển”** được chia thành 2 phần:

- Phần 1: Chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam trong tiến trình đổi mới, hội nhập, phát triển.

- Phần 2. Văn hóa, giáo dục, quốc phòng - an ninh của Việt Nam trong tiến trình đổi mới, hội nhập, phát triển.

Để hoàn thành được Tuyển tập Báo cáo của Hội thảo, Ban Tổ chức trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia và giảng viên đã quan tâm, gửi báo cáo và đăng ký tham gia hội thảo. Trân trọng cảm ơn Ban Khoa học, Ban Biên tập và các Phản biện đã rất có trách nhiệm trong việc đọc, góp ý, lựa chọn và biên tập các Báo cáo để nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và góp phần vào thành công của Hội thảo này.

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC
GS.TS. Trần Thanh Hải

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
1. BÁO CÁO ĐỀ DẪN “VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP, PHÁT TRIỂN”	
<i>Trần Thị Phúc An</i>	15
PHẦN 1: CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP, PHÁT TRIỂN	23
2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ GIÁ TRỊ GỢI MỞ HIỆN NAY	
<i>Lại Quốc Khánh</i>	25
3. TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VỚI KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC	
<i>Nguyễn Thị Xuân Quỳnh</i>	34
4. PHÁT HUY Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG VÀ KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	
<i>Lê Thị Yến</i>	41
5. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHO ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY	
<i>Ngô Văn Hương</i>	48
6. CUỐN SÁCH “MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM” - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	
<i>Đặng Thị Thanh Trâm</i>	56
7. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG TÁC PHẨM “MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM”	
<i>Phạm Thị Thương</i>	64
8. TỪ “BỐN DÂN” ĐẾN “SÁU DÂN” VÀ SỰ PHÁT TRIỂN, HOÀN THIỆN CHỦ TRƯỞNG DÂN CHỦ QUA CÁC KÌ ĐẠI HỘI ĐẢNG	
<i>Trần Thị Lan Hương</i>	71
9. TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT GIỮA ĐẢNG VỚI NHÂN DÂN ĐỂ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH HIỆN NAY	
<i>Phạm Thanh Thủy</i>	79

10. SỰ CHUYỂN BIẾN RÕ RỆT TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG THÔNG QUA CÁC NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 4	<i>Trần Thị Thuý Nga, Phạm Thanh Thủy</i>	85
11. VẤN ĐỀ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC TRONG HIẾN PHÁP NĂM 2013	<i>Đào Thị Tuyết</i>	92
12. KIẾN ĐỊNH MỤC TIÊU ĐỐI NGOẠI CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP HIỆN NAY	<i>Dương Thị Hợp, Nguyễn Thị Lệ Hằng</i>	99
13. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	<i>Nguyễn Thị Thu Hương</i>	105
14. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY	<i>Nguyễn Thị Tâm</i>	114
15. VẬN DỤNG CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN TRONG PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	<i>Phạm Thị Xuân</i>	121
16. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	<i>Nguyễn Tuấn Vương</i>	131
17. QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA KINH TẾ VÀ VĂN HÓA - Ý NGHĨA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	<i>Đoàn Mạnh Hùng</i>	140
18. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	<i>Lê Văn Nguyên</i>	149
19. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ HỢP TÁC KINH TẾ QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	<i>Nguyễn Mai Phương</i>	156
20. TÁC ĐỘNG CỦA TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC ĐẾN KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021	<i>Mai Diệu Anh</i>	164

21. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM TRONG VẤN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG	<i>Vũ Thị Hồng Nhung</i>	172
22. VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC VỚI VẤN ĐỀ PHÂN PHỐI THU NHẬP THEO LAO ĐỘNG ĐỂ ĐẢM BẢO CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	<i>Trịnh Huy Hồng, Vũ Thị Mai Lương</i>	182
23. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠO ĐỨC ĐẾN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	<i>Hoàng Thu Trang</i>	193
24. VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM Y TẾ Ở VIỆT NAM	<i>Phí Mạnh Phong</i>	202
25. CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG KINH TẾ - CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM	<i>Đỗ Đức Ánh, Đỗ Hữu Tùng</i>	211
26. CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI	<i>Dương Thị Tuyết Nhung</i>	220
27. PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG BỀN VỮNG ĐẢM BẢO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	<i>Lê Minh Thống, Trần Văn Hiệp</i>	229
28. THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU RAU QUẢ SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG BỐI CẢNH THỰC THI EVFTA	<i>Trần Anh Dũng</i>	237
29. NHỮNG THÁCH THỨC TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG MÂY TRE ĐẠN - NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP XÃ PHÚ NGHĨA, HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	<i>Trần Văn Hiệp, Nguyễn Đức Anh</i>	247
30. MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ	<i>Nguyễn Thị Ngọc Anh</i>	257
31. NGUYÊN TẮC PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN	<i>Bùi Thị Hằng Mong</i>	265
32. QUYỀN TRẺ EM TRONG LUẬT PHÁP QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM	<i>Đào Thị Tuyết</i>	272

33. BI KỊCH TÀI SẢN CHUNG VÀ YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	<i>Lê Quốc Hiệp</i>	280
34. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	<i>Nguyễn Tuấn Vương</i>	286
35. BẢO ĐẢM AN NINH NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	<i>Đỗ Quang Huy</i>	293
36. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN GIA VIỄN - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	<i>Nguyễn Thị Kim Ngân, Đỗ Chí Công</i>	303
37. BIẾN ĐỔI XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI	<i>Bùi Thị Thùy Dương</i>	312
38. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ BẢO VỆ QUYỀN TRẺ EM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	<i>Nguyễn Thị Thúy Hà</i>	319
39. BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	<i>Lê Quốc Hiệp</i>	327
40. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 Ở VIỆT NAM - MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM	<i>Nguyễn Thị Kim Dung</i>	335
41. ĐIỂM MỚI CỦA PHẠM TRÙ ĐẠO ĐỨC “TRUNG”, “HIẾU” TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	<i>Lê Thị Yến</i>	343
42. CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ QUA NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU	<i>Nguyễn Thị Thu Hương</i>	350
PHẦN 2: VĂN HÓA, GIÁO DỤC, QUỐC PHÒNG - AN NINH CỦA VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP, PHÁT TRIỂN		361
43. “SỨC MẠNH MỀM” VÀ VAI TRÒ CỦA “SỨC MẠNH MỀM” TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	<i>Trần Đình Thảo</i>	363
44. VĂN HÓA - MỘT TRỤ CỘT CỦA PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG XÃ HỘI	<i>Tô Mạnh Cường</i>	372

45. BÀN VỀ KHÁI NIỆM VĂN HÓA NÔNG THÔN VÀ CÁC THÀNH TỐ
Nguyễn Thị Phương 380
46. TIẾP CẬN TRIẾT HỌC VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC
Ngô Thị Hương 386
47. GIỮ GÌN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA
Đào Thu Hà 396
48. MỘT SỐ MÂU THUẬN CƠ BẢN TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP VĂN HÓA CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY
Trần Thị Phương Nga 403
49. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI
Nguyễn Thị Thanh Thương, Nguyễn Thị Ngọc 411
50. XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
Trần Thị Mai Thanh, Vũ Thị Kim Yến 421
51. TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG TRONG BỐI CẢNH PHÁT HUY SỨC MẠNH MỀM VĂN HÓA VIỆT NAM HIỆN NAY
Đỗ Thị Vân Hà 427
52. VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ
Nguyễn Thị Thùy Linh 436
53. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY CÁC DI SẢN VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY
Bùi Thị Thùy Dương 443
54. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM THỜI KỲ HỘI NHẬP
Hoàng Thị Giang 451
55. BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HOÁ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY
Nguyễn Thị Kim Dung 459
56. XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA GIA ĐÌNH VIỆT NAM THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG
Đinh Thị Thuý Hương, Ngô Thái Hà 467
57. VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA DÒNG HỌ TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA NGƯỜI VIỆT
Bùi Thị Minh Phượng, Nguyễn Thị Phương 473

58. TIẾP CẬN VĂN HÓA - NGÔN NGỮ HỎI ĐỀ CHÀO TRONG DẠY VÀ HỌC TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ	<i>Hà Thị Chính</i>	480
59. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC HỒ CHÍ MINH VỚI VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HIỆN NAY	<i>Lã Quý Đô</i>	489
60. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY	<i>Thân Thị Hạnh</i>	497
61. SỰ PHÁT TRIỂN TƯ DUY CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI	<i>Nguyễn Thị Thúy Hà</i>	505
62. ĐỔI MỚI QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN	<i>Đặng Minh Tiến</i>	513
63. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	<i>Phạm Quốc Đảm</i>	523
64. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG ĐÀO TẠO NGUỒN LAO ĐỘNG CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỊA PHƯƠNG TRONG BỐI CẢNH CÔNG NGHIỆP 4.0	<i>Nguyễn Trung Hiếu</i>	531
65. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG CÔNG CUỘC BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SỚM, TỪ XA	<i>Đặng Thị Thanh Trâm</i>	543
66. DẠY HỌC KẾT HỢP (BLENDED LEARNING) TRONG GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI HIỆN NAY	<i>Đinh Thanh Xuân</i>	549
67. VẤN ĐỀ GIÁO DỤC Ý THỨC CHỦ QUYỀN BIÊN ĐẢO CHO SINH VIÊN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	<i>Trương Văn Hiệp</i>	559
68. NÂNG CAO HỨNG THÚ HỌC TẬP CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - KINH NGHIỆM TỪ TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	<i>Phan Yến Trang, Cao Thị Bích Hạnh</i>	568
69. CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT - ĐỘNG LỰC TỪ ĐẠI DỊCH COVID-19	<i>Trần Thị Phúc An</i>	576

70. VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH VỚI VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO THỂ HỆ TRẺ TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY
Thân Thị Giang, Bùi Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Phương Chung 585
71. TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC CỦA FUKUZAWA YUKICHI TRONG TÁC PHẨM “KHUYẾN HỌC” VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ VỚI VIỆC HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC
Nguyễn Đức Khiêm 591
72. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP
Lê Văn Chinh 603
73. PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐÀO TẠO TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY
Nguyễn Thị Kim Chung 611
74. ỨNG DỤNG MÔ HÌNH LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC TRONG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN “SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON” CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC
Đặng Việt Hà 620
75. BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC HỌC CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC THEO TIẾP CẬN ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH
Trần Tuyết Nhung 629
76. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TỔ CHUYÊN MÔN THEO ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC
Phạm Thị Duyên 639
77. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH MẦM NON
Nguyễn Thị Thu Phương 649
78. TƯ TƯỞNG KẾT HỢP KINH TẾ VỚI QUỐC PHÒNG CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG, BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC TRONG TÌNH HÌNH MỚI HIỆN NAY
Nguyễn Thị Anh 656
79. SỰ TẮT YẾU CỦA CÔNG TÁC BẢO VỆ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG QUÂN ĐỘI HIỆN NAY
Trần Quốc Cường 665

80. NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI QUỐC PHÒNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY
Nguyễn Năng Nam, Nguyễn Hưng Giang 672
81. CHIẾN LƯỢC CỦA MỘT SỐ CƯỜNG QUỐC ĐỐI VỚI BIÊN ĐÔNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM HIỆN NAY
Cao Xuân Sáng 680
82. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, BẤT ĐỒNG Ở BIÊN ĐÔNG - QUAN ĐIỂM VÀ HÀNH ĐỘNG TỪ PHÍA VIỆT NAM
Trần Thị Ngọc Thúy 691
83. CÁC YẾU TỐ AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG TÁC ĐỘNG ĐẾN AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM
Trần Thị Tâm 699
84. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẤU TRANH LÀM THẤT BẠI ÂM MƯU “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH” CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY
Hoàng Xuân Trường 710
85. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT HUY Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG TRONG NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC HIỆN NAY
Trần Bắc Bộ 717
86. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG TÌNH HÌNH MỚI
Vũ Quang Hay 723

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG KINH TẾ - CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM

Đỗ Đức Ánh, Đỗ Hữu Tùng***

Tóm tắt: Mục tiêu phát triển bền vững là đích đến của nhân loại ở hiện tại và tương lai, trong đó, chuyển đổi số trong kinh tế được coi là nhiệm vụ trọng tâm. Tại Việt Nam, hoạt động này cũng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm với việc ban hành nhiều chính sách khuyến khích hỗ trợ. Do đó, mức tăng trưởng kinh tế số năm 2021 đã đạt 35,4%, quy mô kinh tế số trong quý II/2022 đạt khoảng 57 triệu USD, có khoảng 67.300 doanh nghiệp công nghệ số, tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 99%. Tuy nhiên, chương trình này cũng đang gặp một số khó khăn như các doanh nghiệp thực hiện chưa đồng bộ, giao dịch tiền mặt vẫn là phổ biến, hoạt động quản lý điện tử còn nhiều hạn chế, nhiều rủi ro... Dựa vào các kết quả trên, các tác giả đề xuất một số giải pháp liên quan đến hành lang pháp lý, cải thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... để có thể mang lại hiệu quả cao hơn trong thời gian tới.

Từ khóa: Phát triển bền vững; Chuyển đổi số trong kinh tế; Việt Nam.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quá trình toàn cầu hóa và siêu kết nối các nền kinh tế trong thế kỷ 21, được coi là một bước tiến vượt bậc của nhân loại và sự xuất hiện, phát triển nhanh chóng của kinh tế số là bước tiến vĩ đại về phương thức kinh doanh mới, trong đó khoa học công nghệ, internet, điện toán đám mây, tài chính số... được coi là nền tảng để phát triển¹. Để mang lại hiệu quả, một nền kinh tế số được xây dựng theo ba tầng, trong đó: tầng thứ nhất bao gồm các chính sách hỗ trợ tổng thể như: chính sách thuế, các hiệp định thương mại tự do và các chính sách cạnh tranh. Tầng thứ hai bao gồm các nền tảng cốt lõi để vận hành như: khả năng truy cập kết nối, mức độ nhận thức người sử dụng, các nền tảng số cho chi trả online, logistics, chính sách chương trình hành động. Tầng thứ ba dựa trên các nền tảng cơ bản, như: doanh nghiệp số, thương mại điện tử, công nghệ thông tin - viễn thông (ICT) và chuyển đổi ngành công nghiệp theo hướng số hóa. Hơn thế nữa, kinh tế số được coi như

* TS. Trường Đại học Mỏ - Địa chất

** PGS. TS. Trường Đại học Mỏ - Địa chất

1 Khoshnampour, M., Nosrati (2011), *An overview of E-commerce*, World Applied Programming, tr.94-99.

một phương tiện hữu hiệu để tham gia vào nền kinh tế toàn cầu dựa trên nền kinh tế tri thức và kinh tế thông tin¹ và nó đang trở thành xu hướng tiềm năng cho các quốc gia hướng tới mục tiêu phát triển bền vững². Nó có tác động sâu rộng, bao trùm lên tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, góp phần tăng năng suất lao động, chuyển đổi mô hình hoạt động, kinh doanh theo hướng đổi mới sáng tạo, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia³. Trong sản xuất, nó giúp tự động hóa quy trình sản xuất theo quy trình tiêu chuẩn quốc tế, từ đó làm giảm giá thành, rút ngắn khoảng cách giữa các bộ phận, thúc đẩy hiệu quả trong quản trị, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, sự hiệu quả của quá trình chuyển đổi số ở các quốc gia là khác nhau, do có sự khác biệt về mô hình áp dụng, chính sách quốc gia, điều kiện cơ sở hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực⁴. Hơn nữa, các chiến lược thực hiện chương trình chưa xuyên suốt thống nhất, chưa có nhiều sự hỗ trợ phù hợp từ Chính phủ, hay đầu tư cơ bản còn hạn chế... nên chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Vì vậy, để phát triển nền kinh tế số bền vững đòi hỏi có vai trò của Chính phủ trong hoạt động xây dựng thiết chế pháp lý nhất quán, phát triển dài hạn, và có biện pháp bảo vệ trước những rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện.

Cùng với xu hướng toàn cầu, tại Việt Nam, mục tiêu này cũng được Chính Phủ, các doanh nghiệp, và người dân đặc biệt quan tâm, nhất là trong những ngành như kinh tế, tài chính, giao thông, du lịch. Cụ thể, ngày 18/5/2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án hỗ trợ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025; ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, phấn đấu Việt Nam trở thành quốc gia số, với mục tiêu đến năm 2025, 100% cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm được hoàn thành và kết nối, phát triển Chính phủ điện tử; kinh tế số chiếm 20% GDP; năng suất lao động tăng tối thiểu 7%/năm; hạ tầng mạng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% các xã; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%. Đến năm 2030, dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối IoT, kết nối, chia sẻ rộng khắp; kinh tế số chiếm 30% GDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%; năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8% (Bảng 1); tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

1 Lund MJS; McGuire (2005), *Institutions and Development: Electronic Commerce and Economic Growth*, Organization Studies 26, tr.1743-1763.

2 Alyoubi, Adel.A. (2015), *E-commerce in Developing Countries and how to Develop them during the Introduction of Modern Systems*, International Conference on Communications, management, and Information technology, tr.479-483.

3 Trọng Hải (2021), Chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, *Báo Quân đội Nhân dân*.

4 Lawrence, J.E., Tar, U.A. (2010), Barriers to e-commerce in developing countries, *Information Social Justice Journal*. 3, tr.23-35.

BẢNG 1: MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

Năm	Chiếm GDP	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu	Mục tiêu về công nghệ thông tin (IDI)	Mục tiêu về chỉ số cạnh tranh (GCI)	Mục tiêu về đổi mới sáng tạo (GII)
Đến năm 2025	20%	10%	7%	Nhóm 50 nước dẫn đầu	Nhóm 50 nước dẫn đầu	Nhóm 35 nước dẫn đầu
Đến năm 2030	30%	20%	8%	Nhóm 30 nước dẫn đầu	Nhóm 30 nước dẫn đầu	Nhóm 30 nước dẫn đầu

Nguồn: Quyết định số 749/QĐ-TTg

Tính đến hết tháng 8/2022, theo số liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông, Việt Nam đã có 22/22 bộ, ngành và 63/63 địa phương thành lập Ban chỉ đạo về chuyển đổi số; 17/22 bộ, ngành và 57/63 địa phương ban hành chương trình/kế hoạch/đề án chuyển đổi số giai đoạn 5 năm. Công cuộc chuyển đổi số đã, đang lan tỏa tới tất cả các cấp, các ngành, nhất là người lãnh đạo, người đứng đầu đã có chuyển biến rõ nét; 100% bộ, ngành, địa phương đã kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số¹. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, kinh tế số tại Việt Nam đang gặp một số khó khăn liên quan đến hành lang pháp lý, nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng... Do vậy, để có những đánh giá đầy đủ về kinh tế số của Việt Nam, nghiên cứu này được thực hiện để làm rõ nhận định trên. Bài viết của chúng tôi được trình bày trong 5 phần là đặt vấn đề, tổng quan nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, thực trạng chuyển đổi số trong kinh tế, cuối cùng là phần kết luận và tài liệu tham khảo.

2. NỘI DUNG

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Với những lợi ích của quá trình chuyển đổi số mang lại, cho nên chủ đề này đã thu hút nhiều nhà nghiên cứu ở nhiều phương diện khác nhau. Cụ thể như:

Nadkarni và Prügl (2021)² đã nghiên cứu quá trình chuyển đổi số ở cấp độ vĩ mô ở một số quốc gia ở EU. Nghiên cứu này nhận định rằng dữ liệu lớn, di động, điện toán đám mây, ứng dụng tìm kiếm... là các yếu tố chính thúc đẩy quá trình chuyển đổi số. Kinh tế số sẽ mang lại nhiều mô hình kinh doanh hơn, sản phẩm hoàn chỉnh hơn, cấu trúc tổ chức hoặc tự động hóa các quy trình sản xuất. Hơn nữa, các chương trình này cần sự giúp đỡ và hỗ trợ

1 Thủy Diệu (2022), Những dấu ấn về chuyển đổi số quốc gia, *Nhịp sống Kinh tế Việt Nam, thế giới*.

2 Nadkarni, S., Prügl, R. (2021), *Digital transformation: a review, synthesis and opportunities for future research*, *Management Review*, Q. 71, tr.233-341.

của Chính phủ. Tương tự, Mergel và cộng sự (2019)¹ khẳng định rằng sự hiệu quả của quá trình chuyển đổi số ở các quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào cách thức tiếp cận và ban hành chính sách của Chính Phủ, đồng thời sẽ cải thiện việc thiết kế, cung cấp dịch vụ công hiệu quả hơn và hướng tới các mục tiêu như tăng tính minh bạch, khả năng tương tác hoặc sự hài lòng của người dân. Fernández-Bonilla và cộng sự (2022)² cho biết thêm rằng, Chính phủ số sẽ giúp các doanh nghiệp, người dân dễ dàng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công nghệ truyền thông-thông tin sáng tạo nhất, đặc biệt là các ứng dụng internet dựa trên web, từ đó cải thiện chất lượng dịch vụ và tạo dựng quy trình dân chủ. Hay trước đó, Lawrence và Tar (2010)³ cũng xác nhận rằng, chính sách được Chính Phủ ban hành có ảnh hưởng rất lớn đến chương trình chuyển đổi số trong kinh tế. Kết quả của các nghiên cứu trên cho thấy vai trò to lớn của Chính phủ trong hoạt động chuyển đổi số trong kinh tế và khác nhau giữa các quốc gia.

Nghiên cứu của Wessel và cộng sự (2021)³ cũng cho biết kinh tế số sẽ mang đến cho các doanh nghiệp nội địa nhiều cơ hội hơn về thị trường, khách hàng, và chi phí sản xuất. Tuy nhiên, hoạt động này lại phụ thuộc nhiều vào những người điều hành của doanh nghiệp. Vì nếu họ không có đủ khả năng nhận biết, kiểm soát, điều hành hệ thống thông tin của doanh nghiệp thì sẽ không mang lại hiệu quả kinh tế. Tương tự, Schwertner (2017)⁴ cho biết mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp được quyết định phần lớn bởi một chiến lược phát triển từ các nhà lãnh đạo, những người thúc đẩy một nền văn hóa doanh nghiệp. Bên cạnh đó, những rủi ro chính ngăn cản việc áp dụng rộng rãi chúng là các vấn đề bảo mật dữ liệu, thiếu khả năng tương tác với các hệ thống công nghệ thông tin hiện có và thiếu khả năng kiểm soát. Bican và Brem (2020)⁵ xác nhận rằng quá trình chuyển đổi số là công cụ quan trọng trong việc hướng tới phát triển bền vững, và nếu các doanh nghiệp không tham gia chuyển đổi số ở hiện tại, thì sẽ khó có thể phát triển bền vững trong tương lai trước những thay đổi cả về kinh tế và môi trường. Tuy nhiên, Morakanyane và cộng sự (2017)⁶ cho rằng quá trình này có cả tác động tích cực và tiêu cực. Nếu áp dụng các mô hình chuyển đổi số phù hợp thì sẽ giúp ích cho việc giao dịch có hiệu quả hơn và thời gian giao dịch ngắn hơn. Ngược lại, hoạt động này sẽ làm cho một số lĩnh vực hoạt động truyền thống bị

-
- 1 Mergel, I., Edelman, N., Haug, N. (2019), *Defining digital transformation: Results from expert interviews*, Government Information quarterly 36, 101385.
 - 2 Fernández-Bonilla, F., Gijón, C., De la Vega, B. (2022), *E-commerce in Spain: Determining factors and the importance of the e-trust*, Telecommun Policy 46, 102280.
 - 3 Wessel, L., Baiyere, A., Ologeanu-Taddei, R., Cha, J., Blegind-Jensen, T. (2021), Unpacking the difference between digital transformation and IT-enabled organizational transformation, *Journal of the Association for information Systems*. 22, tr.102-129.
 - 4 Schwertner, K. (2017), *Digital transformation of business*, Trakia Journal of Science, tr.388-393.
 - 5 Bican, Brem (2020), *Digital Business Model, Digital Transformation*, Digital Entrepreneurship: Is There A Sustainable “Digital”?, Sustainability 12, 5239
 - 6 Morakanyane, Grace, O’Reilly (2017), *Conceptualizing Digital Transformation in Business Organizations: A Systematic Review of Literature*, Bled eConference, tr.428-444.

đào thải. Hơn nữa, điều kiện về cơ sở hạ tầng và chất lượng nhân sự của doanh nghiệp cũng là động lực để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số. Tương tự, Alyoubi (2015) chỉ ra rằng tỷ lệ người dân dùng internet là động lực để quá trình này diễn ra nhanh và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, việc không có đầy đủ về cơ sở hạ tầng cơ bản, hay các rào cản văn hóa của nước sở tại sẽ ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của kinh tế số.

Tại Việt Nam, kinh tế số cũng được quan tâm trên nhiều khía cạnh. Cụ thể như, trong bài viết của Cao Dũng (2021)¹ đã chỉ ra rằng kinh tế số sẽ giúp nền kinh tế Việt Nam phát triển nhanh hơn nhờ vào việc tăng năng suất lao động, chuyển đổi mô hình hoạt động, giúp ích cho người dân trong các dịch vụ kinh tế, trong đó các doanh nghiệp công nghệ số được coi là là trung tâm của quá trình. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số trong các doanh nghiệp tư nhân vẫn còn chậm. Thanh Bình (2022)² cho biết thêm, năm 2020 Việt Nam đứng thứ 22/60 về tốc độ số hóa và thứ 48/60 quốc gia có tốc độ chuyển đổi kinh tế số nhanh trên thế giới. Đồng thời, dịch Covid-19 là động lực để kinh tế số bùng nổ và phát triển, và kinh tế số được xem là sự thay đổi thông minh, là động lực tăng trưởng mới của Việt Nam với quy mô kinh tế số đạt 14 tỷ USD, đóng góp 5% GDP (đứng thứ hai ASEAN về tốc độ tăng trưởng kinh tế số sau Indonesia), là quốc gia có tỷ trọng tổng giá trị hàng hóa kinh tế số lớn nhất trong khu vực, đạt 4% GDP, đứng thứ 2 là Singapore 3,2% GDP, Indonesia 2,9% GDP, Thái Lan và Malaysia 2,7% GDP, Philippines 1,6% GDP. Thêm vào đó, Xuân Anh (2022)³ cho thấy quá trình chuyển đổi số trong ngành sản xuất còn chậm, thiếu cơ chế hay các chính sách hỗ trợ và không mang lại hiệu quả như mong muốn, mới chỉ tập trung vào một số ít thị trường thương mại, mà chưa quan tâm nhiều đến thị trường sản xuất nên dẫn đến thiếu bền vững. Mặc dù kinh tế số là mục tiêu quốc gia, tuy nhiên cho đến nay các kết quả chỉ được tìm thấy ở các báo cáo của các Bộ, Ban, Ngành có liên quan, hoặc ở một vài bài viết trên các website và chưa được thực hiện nhiều dưới dạng nghiên cứu khoa học. Do đó, bài viết của chúng tôi được thực hiện để góp phần khắc phục những hạn chế trên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên mục tiêu nghiên cứu, các số liệu được thu thập từ Công thông tin điện tử Chính Phủ, Tổng cục thống kê, Bộ Thông tin truyền thông, và một số nguồn tài liệu khác để dùng phân tích bao gồm:

-
- 1 Cao Dũng (2021), Nhận thức cơ bản về chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới, *Công thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang*.
 - 2 Thanh Bình (2022), Giải pháp phát triển kinh tế số Việt Nam trong bối cảnh Covid-19, *Tạp chí Ngân hàng*.
 - 3 Xuân Anh (2022), Đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và đa dạng chuỗi cung ứng, *Vietnam +*.

Hành lang pháp lý: đây được coi là yếu tố đặc trưng của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Chúng có nhiệm vụ định hướng và hướng dẫn quá trình thực hiện. Yếu tố này cũng đã được sử dụng trong nghiên cứu của Lawrence và Tar (2010).

Cơ sở hạ tầng: yếu tố này quyết định đến sự hiệu quả của quá trình chuyển đổi số. Do vậy, việc nghiên cứu các yếu tố liên quan đến cơ sở hạ tầng là thiết thực, và cũng được trình bày trong nghiên cứu của Escursell và cộng sự (2021)¹.

Chất lượng nguồn nhân lực: đây là yếu tố đóng vai trò then chốt cho sự phát triển của nhân loại nói chung và chương trình chuyển đổi số trong kinh tế nói riêng. Do đó, phân tích yếu tố này là phù hợp với mục tiêu của bài viết này. Mối quan hệ này cũng được trình bày trong nghiên cứu của Mbayo Kabango và Asa (2015)².

Văn hóa kinh doanh: các yếu tố này có ảnh hưởng trực tiếp đến cách thức hoạt động của tổ chức, vì vậy yếu tố này được lựa chọn là hoàn toàn phù hợp.

Hệ thống giáo dục: đây được coi là cơ sở để thúc đẩy sự phát triển bền vững của các quốc gia. Vì vậy, nghiên cứu yếu tố này trong hoạt động chuyển đổi số trong kinh tế là có ý nghĩa thực tiễn.

Tính bảo mật và độ an toàn: nếu 2 yếu tố này không được đảm bảo, sẽ dẫn đến tình trạng thiếu lòng tin của các thành phần tham gia chương trình chuyển đổi số. Do vậy, chúng được lựa chọn là một yếu tố để phân tích trong bài viết.

2.3. Thực trạng chuyển đổi số trong kinh tế ở Việt Nam

Dựa vào mục tiêu nghiên cứu, sau khi tiến hành thu thập số liệu và phân tích, các tác giả đưa ra một số kết quả và nhận định như sau:

Theo số liệu của Tổng cục thống kê và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, tính đến 8/2022, tổng dân số của Việt Nam khoảng 99,2 triệu dân, với khoảng 39% người dân sống ở thành thị và độ tuổi trung bình của người dân là 33 tuổi, gần 78 triệu dữ liệu công dân được thu thập, đã tiêm được 133 triệu mũi tiêm vaccine Covid 19, gần 7 triệu định danh trẻ em đăng ký khai sinh, 570.000 thông tin dữ liệu về cán bộ giáo viên được thí điểm.

Trong những năm qua, việc ban hành các chủ trương chính sách (bảng 2) về chuyên đổi số cho thấy sự quan tâm của Chính phủ, đây là động lực cho kinh tế số của Việt Nam bứt phá trong thời gian tới.

¹ Escursell (2021), Sustainability in e-commerce packaging: A review, *Journal of Cleaner Product*, 124314

² Mbayo Kabango, C., Asa, A. (2015), Factors influencing e-commerce development: Implications for the developing countries, *Journal Innovation Economic development*, tr.59-66.

Bảng 2. Các quyết định liên quan đến chuyển đổi số ở Việt Nam

TT	Tên quyết định	Ngày ban hành	Nơi ban hành	Nội dung
1	Nghị quyết số 17/NQ-CP	7/3/2019	Thủ tướng Chính phủ	Phát triển Chính phủ điện tử từ 2019-2020
2	Chỉ thị số 14/CT-TTg	07/6/2019	Thủ tướng Chính phủ	Xây dựng cơ sở an toàn thông tin mạng.
3	Chỉ thị số 01/CT-TTg	14/01/2020	Thủ tướng Chính phủ	Thúc đẩy phát triển công nghệ số.
4	Quyết định số 749/QĐ-TTg	03/6/2020	Thủ tướng Chính phủ	Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến 2025.
5	Nghị định số 47/2020/NĐ-CP	09/4/2020	Thủ tướng Chính phủ	Nền tảng số cấp Bộ- Tỉnh
6	Quyết định số 468/QĐ-TTg	27/03/2021	Thủ tướng Chính phủ	Giải quyết thủ tục hành chính chuyển đổi số.
7	Nghị định 107/2021/NĐ-CP	06/12/2021		
8	Quyết định số 1911/QĐ-TTg	05/11/2021	Thủ tướng Chính phủ	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
9	Quyết định số 06/QĐ-TTg	06/1/2022	Thủ tướng Chính phủ	Hạ tầng kết nối dữ liệu quốc gia.
10	Quyết định số 422/QĐ-TTg	4/4/2022		
11	Quyết định số 505/QĐ-TTg	22/4/2022	Thủ tướng Chính phủ	Ngày chuyển đổi số quốc gia.

Nguồn: Tổng hợp tại Cổng thông tin điện tử Chính phủ

Trong năm 2021, kinh tế số và truyền thông online - Digital Marketing đã phát triển nhanh chóng với mức tăng trưởng tương ứng 35.4% và 23.2% xét về quy mô so với cùng kỳ năm 2020. Trong quý II/2022, quy mô kinh tế số của Việt Nam đạt khoảng 57 tỷ USD, số doanh nghiệp công nghệ số tính đến tháng 6/2022 là 67.300 doanh nghiệp, trong đó thành lập mới tăng 3.500 doanh nghiệp so với 2021. Hệ thống hóa đơn điện tử đã được triển khai toàn quốc, trong đó tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 99%. Ngoài ra, trong 6 tháng đầu năm 2022 đã bồi dưỡng, tập huấn được gần 1.700 cán bộ, công chức các kiến thức liên quan đến chuyển đổi số nói chung và kinh tế số nói riêng. Cùng với đó, là sự gia tăng trong nhận thức của các nhà lãnh đạo, sự đa dạng trong các kênh bán hàng, tiếp thị, khả năng kết nối thông tin và áp dụng công nghệ đã được nâng cao. Doanh thu thương mại điện tử năm 2021 ước đạt 13,7 tỷ USD, tăng 16% so với năm 2020, hay tỷ trọng kinh tế số trong GDP ước tính đạt 10,41% trong 6 tháng đầu năm 2022, giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt tăng 76% về số lượng và 30,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021, có khoảng 100.000 cửa hàng đã sử dụng phần mềm quản lý bán hàng, trên 200.000 cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng các phần mềm hóa đơn điện tử, hơn 60% các doanh nghiệp đã sử dụng phần mềm kế toán giúp tiết kiệm chi phí hoạt động. Ngoài ra, có tới 71% các doanh nghiệp chuyển đổi số giảm được chi phí sản xuất kinh doanh, 45,3% doanh nghiệp nâng cao được chất lượng

sản phẩm dịch vụ. Trong lĩnh vực ngân hàng, ứng dụng IoT cho phép khách hàng truy cập sử dụng dịch vụ ngân hàng, kết nối với các hệ sinh thái số khác trên nền tảng Internet.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, thì quá trình này đang phải đối mặt với một số khó khăn thử thách như:

Tỷ lệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm tỷ trọng cao với khoảng 97% tổng số doanh nghiệp, và có 80% đến 90% máy móc sử dụng ở các doanh nghiệp này là nhập khẩu, gần 80% là những công nghệ cũ từ thập niên 1980-1990, và có đến 72% các doanh nghiệp này đang bị thiếu vốn đầu tư để chuyển đổi số. Tỷ lệ sử dụng tiền mặt trong giao dịch ở mức cao và chỉ đạt mức 22% thua xa Thái Lan (62%), Malaysia là (76%). Bên cạnh đó, thể chế phát triển kinh tế số vừa thiếu, vừa nhiều lỗ hổng, đã gây nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện. Hoạt động quản lý còn nhiều hạn chế khi các phương thức kinh doanh và ý tưởng sáng tạo mới xuất hiện nhiều đã khiến cho việc quản lý khá lúng túng, đặc biệt là quản lý và thu thuế đối với các hoạt động thương mại trực tuyến, kinh doanh qua các mạng xã hội - dịch vụ xuyên biên giới. An toàn, an ninh số chưa được chú trọng đúng mức, nên Việt Nam đang nằm trong top 3 quốc gia thường xuyên bị tấn công mạng với tổng cộng 70,7 triệu lượt máy tính bị tấn công bởi Virus, trong đó 1,8 triệu máy tính bị mất dữ liệu, gây thiệt hại khoảng 24.400 tỷ đồng trong năm 2021. Công tác đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin vẫn chưa được chú trọng dẫn đến thiếu nguồn lực triển khai Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, với tỷ lệ lao động có kỹ năng cao chỉ khoảng 10%, với khoảng 900.000 nhân lực công nghệ thông tin, và chưa theo kịp xu thế phát triển như vũ bão của kinh tế số. Cuối cùng, các hoạt động xây dựng một số thể chế pháp lý nhằm ứng phó các vấn đề mới trong nền kinh tế số, đặc biệt liên quan đến việc thu thuế trên nền tảng internet còn chậm trễ, chưa hiệu quả.

Từ những tồn tại trên, để hoạt động chuyển đổi số trong kinh tế có hiệu quả hơn trong thời gian tới, nhóm tác giả xin được đề xuất một số giải pháp như sau:

Chú trọng nâng cao quá trình lựa chọn lãnh đạo, vì chất lượng bộ máy quản lý quốc gia là yếu tố then chốt, có ý nghĩa quan trọng cho cả hệ thống. Đồng thời, tăng cường xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý phù hợp với điều kiện thực tiễn, vì chính sách là yếu tố quyết định chứ không phải là công nghệ.

Không ngừng đầu tư nâng cao hệ thống hạ tầng số quốc gia đồng bộ, rộng khắp đảm bảo đáp ứng yêu cầu kết nối, lưu trữ, xử lý dữ liệu, thông tin, các chức năng về giám sát, bảo đảm an ninh, an toàn mạng, bắt kịp xu hướng thế giới.

Xây dựng chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo hướng tăng cường năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển, phù hợp với xu thế mới của thế giới.

Tăng cường xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo an toàn thông tin, cơ sở hạ tầng hiện đại, băng thông đủ rộng để vượt qua các cuộc tấn công gây nghẽn mạng hay các hành động phá hoại khác.

Gia tăng hợp tác quốc tế để cập nhật công nghệ kịp thời, vì đây là một trong những cơ sở quan trọng, góp phần tạo động lực mới cho tăng trưởng và phục hồi kinh tế, bảo đảm phát triển bền vững, bao trùm và toàn diện.

3. KẾT LUẬN

Lợi ích của hoạt động chuyển đổi số trong kinh tế đã được sự ủng hộ của hầu hết các quốc gia. Nội dung chính của bài viết này là phân tích thực trạng quá trình chuyển đổi số trong kinh tế tại Việt Nam. Trong bài viết, các tác giả đã chỉ ra những mặt thuận lợi mà chương trình này đang có được như: nhận được sự hỗ trợ của Chính phủ, thị trường rộng lớn, nguồn lao động dồi dào, được người dân hưởng ứng... thì hoạt động cũng đang tồn tại một số khó khăn như hành lang pháp lý còn chồng chéo, cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế, thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, mức độ an toàn và bảo mật thông tin còn yếu... đã ảnh hưởng đáng kể đến sự tiến độ chuyển đổi số trong kinh tế. Vì vậy, để khắc phục hiện trạng này, các đề xuất như đổi mới hoàn thiện về khung pháp lý, nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng lao động,... cần được thực hiện đồng bộ để giải quyết những tồn tại trên./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Dũng (2021), Nhận thức cơ bản về chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số trong thời kỳ mới, *Cổng Thông Tin Điện Tử Tỉnh Tuyên Quang*.
2. Fernández-Bonilla (2022), *E-commerce in Spain: Determining factors and the importance of the e-trust*, Telecommun Policy 46, 102280.
3. Khoshnampour, Nosrati (2011), *An overview of E-commerce*, World Applied Programming.
4. Lund MJS; McGuire (2005), *Institutions and Development: Electronic Commerce and Economic Growth*, Ogranization Studies.
5. Mergel, I., Edelman, N., Haug, N. (2019), *Defining digital transformation: Results from expert interviews*, Government Information 36, 101385.
6. Nadkarni, S., Prügl, R. (2021), *Digital transformation: a review, synthesis and opportunities for future research*, Managemant Review Quarterly.
7. Schwertner, K. (2017), *Digital transformation of business*, Trakia Journal Science 15.
8. Thanh Bình, Vũ Nhật Quang (2022), Giải pháp phát triển kinh tế số ở Việt Nam trong bối cảnh Covid-19, *Tạp chí Ngân hàng*.
9. Thủy Diệu (2022), Những dấu ấn về chuyển đổi số quốc gia, *Nhịp sống Kinh tế Việt Nam*.
10. Wessel, Baiyere, Blegind (2021), *Unpacking difference between digital transformation, IT enabled organizational transformation*, Journal of Association Information System.
11. Xuân Anh (2022), Đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và đa dạng chuỗi cung ứng, *Vietnam +*.